

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 375 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 28 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2026

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH BẮC GIANG	
ĐẾN SỐ: 8136	
Ngày: 21.11.2023	
Chuyển: C.acy.hop.14.HĐND.BG	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Chương trình Kỳ họp thứ 14 HĐND tỉnh Khóa XIX, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2026, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý:

Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: (4) Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, quy định HĐND tỉnh có thẩm quyền: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”;

Khoản 1 Điều 88 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: “Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm được dự toán trong kinh phí hoạt động của Tòa án, có sự hỗ trợ của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật”.

Khoản 1 Điều 30 Nghị quyết liên tịch số 05/2005/NQLT-TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN ngày 05/12/2005 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định: “Hội đồng nhân dân, UBND địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện về hỗ trợ phương tiện làm việc, kinh phí cho các hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp”;

Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh về nâng cao chất lượng công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2026 quy định: “UBND tỉnh Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết của HĐND về hỗ trợ kinh phí đối với Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh theo quy trình, quy định”.

2. Cơ sở thực tiễn:

Tại kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh và HĐND các huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã bầu 228 Hội thẩm Tòa án nhân dân (26 Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, 202 Hội thẩm nhân dân các huyện, thành phố). Trong 03 năm gần đây, đội ngũ Hội thẩm nhân dân đã tích cực cùng với Tòa án nhân dân tham gia xét xử sơ thẩm 10.303 vụ án các loại (bình quân 3.434 vụ/năm). Số lượng các vụ án hình sự, tranh chấp dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại và lao động tăng qua các năm và ngày càng phức tạp về mức độ và tính chất. Với yêu cầu nhiệm vụ xét xử đặt ra ngày càng cao trong giai đoạn hiện nay, Hội thẩm nhân dân có vai trò rất quan trọng trong công tác xét xử và giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm của Tòa án, đảm bảo bản án ban hành khách quan, giúp Tòa án thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhân dân.

Hiện nay, Hội thẩm nhân dân khi tham gia xét xử được hưởng chế độ bồi dưỡng theo từng vụ án. Theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTG ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự thì Hội thẩm nhân dân được hưởng chế độ bồi dưỡng tính theo ngày thực tế tham gia phiên tòa với mức 90.000 đồng/ngày, kể cả ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án các cấp. Nguồn kinh phí để chi trả được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm do Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử chi trả. Mức phụ cấp hiện tại của Hội thẩm nhân dân không bằng ngày công theo mức lương tối thiểu vùng mà Chính phủ quy định cho lao động phổ thông (mức lương tối thiểu vùng III: 3.640.000/tháng, một ngày công tương đương 140.000 đồng), chưa tương xứng với yêu cầu công việc và vị trí, vai trò người Hội thẩm nhân dân, không còn phù hợp với thực tiễn; giá cả, chi phí sinh hoạt ngày càng cao như hiện nay.

Qua tham khảo kinh nghiệm một số địa phương chi hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân như sau: Tỉnh Nghệ An chi bằng 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng; tỉnh Quảng Ninh chi 200.000 đồng/người/ngày; tỉnh Hải Dương chi 180.000 đồng/01 người/01 vụ án; tỉnh Lạng Sơn chi 90.000đ/người/ngày (tối đa không quá 05 ngày/người/vụ).

Từ những cơ sở thực tiễn và căn cứ pháp lý như trên, để kịp thời động viên, khuyến khích đội ngũ Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh tiếp tục phát huy vị trí, vai trò, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực đóng góp trong công tác xét xử của Tòa án, việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham gia

nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024 - 2026 là cần thiết và đảm bảo quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích:

Nghị quyết được ban hành là cơ sở pháp lý để hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Góp phần phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân cùng Tòa án thực hiện nhiệm vụ xét xử sơ thẩm các vụ án, bảo đảm an ninh trật tự, giữ vững kỷ cương, pháp luật, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Quan điểm:

Đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về chế độ Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2024 -2026; đảm bảo việc xây dựng và ban hành đúng trình tự xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Sau khi được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Dự thảo Nghị quyết đã được gửi xin ý kiến các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Ban Nội chính tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang; Tòa án nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân các huyện, thành phố, UBND huyện, thành phố và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để xin ý kiến nhân dân. Đã có 25 cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến, trong đó 22 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo, 03 cơ quan có ý kiến tham gia; Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo số 454/BC-STP ngày 06/11/2023, Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra tại Báo cáo số 247/BC-VP ngày 14/11/2023, đã báo cáo và được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí, UBND tỉnh thông qua tại kỳ họp tháng 11/2023; đã được Ban Pháp chế, HĐND tỉnh thẩm tra theo quy định; các ý kiến tham gia, thẩm định đã được tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục theo hình thức Nghị quyết quy định trực tiếp gồm 4 Điều:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- Điều 2: Nội dung và mức hỗ trợ;
- Điều 3: Nguồn kinh phí;
- Điều 4: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham gia nghiên cứu và xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024 -2026, cụ thể:

a) Mức hỗ trợ:

- Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh: 200.000 đồng/01 người/01 vụ án.
- Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện: 150.000 đồng/01 người/01 vụ án.

b) Nguồn kinh phí:

Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh. Ngân sách cấp huyện đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu và giải trình, đến nay không có nội dung nào còn có ý kiến khác.

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Có hồ sơ tài liệu kèm theo Tờ trình của UBND tỉnh)

Nơi nhận:

- Các Đại biểu HĐND tỉnh (07 bản giấy);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Đại biểu dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, KTTH, TH;
 - + Lưu: VT, KTTH.Trung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thế Tuấn

Số: 454/BC-STP

Bắc Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2026

Sở Tư pháp nhận được hồ sơ gửi kèm theo Công văn số 2986/STC-QLNS ngày 24/10/2023 của Sở Tài chính về việc xin ý kiến thẩm định văn bản QPLL. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo Công văn nêu trên và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Phạm vi điều chỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 1 cơ bản đảm bảo chính xác, thống nhất với nội dung dự thảo văn bản.

Đối tượng áp dụng được quy định tại khoản 2 Điều 1 gồm “Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, thành phố” – là đối tượng thụ hưởng chính sách; tuy nhiên, chưa thể hiện các đối tượng có liên quan trong tổ chức thực hiện chính sách sau khi được ban hành. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo tính bao quát, phù hợp.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung các chính sách trong dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

3.1. Về thẩm quyền ban hành

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4¹ Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

3.2. Về nội dung

Nội dung dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu nội dung sau: dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đặc thù của tỉnh đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố khi tham gia nghiên cứu hồ sơ và xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh nhưng nội dung dự thảo Nghị quyết chưa thể

¹ HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

hiện cụ thể phương thức hỗ trợ chính sách này đến đối tượng thụ hưởng; do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo tính cụ thể, thống nhất trong thực hiện chính sách sau khi được ban hành.

4. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được thông qua

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết đã được UBND tỉnh thông qua².

5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP³ và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP⁴. Tuy nhiên, đề nghị: (i) trình bày văn bản tại căn cứ ban hành thứ 5 phù hợp với Mục 5⁵ phần V phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; (ii) chỉnh sửa dấu kết thúc⁶ dòng cuối cùng phần căn cứ ban hành phù hợp với Mẫu số 16 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP

6. Về điều kiện trình UBND tỉnh

- Về trình tự, thủ tục: dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo các bước trong quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định.

- Về ngôn ngữ và thể thức, kỹ thuật trình bày: như ý kiến đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, mục 5 Báo cáo này.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính chỉnh sửa, hoàn chỉnh, đảm bảo đầy đủ hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VB&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Ngọc Bích

² Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2026

³ Ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.

⁴ Ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP.

⁵ Viết hoa ... chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản

⁶ Chỉnh sửa thành dấu (.)

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 360 /BC-STC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 07 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ Báo cáo số 454/BC-STP ngày 06/11/2023 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024 -2026.

Tại Báo cáo thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến:

- Đối tượng áp dụng chưa thể hiện các đối tượng có liên quan trong tổ chức thực hiện chính sách sau khi được ban hành. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo tính bao quát, phù hợp. Nội dung này Sở Tài chính tiếp thu ý kiến và bổ sung như sau "Đối tượng áp dụng: Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan."

- Về nội dung dự thảo Nghị quyết chưa thể hiện cụ thể phương thức hỗ trợ chính sách này đến đối tượng thụ hưởng; do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo tính cụ thể, thống nhất trong thực hiện chính sách sau khi được ban hành. Nội dung này Sở Tài chính không đưa vào dự thảo Nghị quyết là vì đã được quy định tại: Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Quyết định số 41/2012/QĐ-TTG ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự.

- Trình bày văn bản tại căn cứ ban hành thứ 5 phù hợp với Mục 5 phần V phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và chỉnh sửa dấu kết thúc dòng cuối cùng phần căn cứ ban hành phù hợp với Mẫu số 16 phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Nội dung này Sở Tài chính tiếp thu chỉnh sửa.

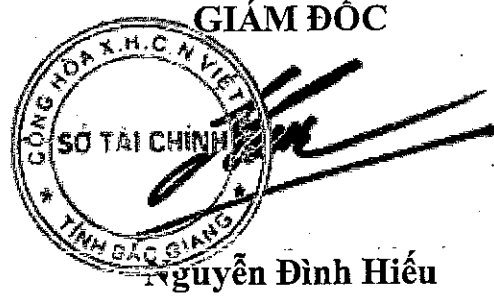
- Về ngôn ngữ và thể thức, kỹ thuật trình bày: như ý kiến đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, mục 5 Báo cáo này. Nội dung này Sở Tài chính giải trình tại Gạch đầu dòng thứ 2 ở trên.

Vậy, Sở Tài chính trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Hiếu

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2023

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024 -2026

Ngày 02/10/2023, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 2728/STC-QLNS gửi các cơ quan, địa phương có liên quan (gồm: Ban Nội chính tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, tp, UBND các huyện, thành phố) về việc V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; đồng thời, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải dự thảo lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến theo quy định.

Đối với hình thức lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: dự thảo văn bản đã được đăng tải lấy ý kiến từ ngày 03/10/2023, đến nay không có ý kiến góp ý nội dung dự thảo Quyết định.

Đối với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Sở Tài chính đã nhận được 24 văn bản của các cơ quan, đơn vị và các huyện thành phố tham gia góp ý. Trong đó, có: 21/24 ý kiến tham gia nhất trí hoàn toàn nội dung dự thảo văn bản; có 03/24 ý kiến góp ý nội dung dự thảo văn bản.

Sở Tài chính đã nghiên cứu và tổng hợp giải trình, tiếp thu cụ thể như sau:

STT	Tên cơ quan đơn vị	Nội dung tham gia	Tiếp thu	Khó ng tiếp thu	Lý do không tiếp thu
1	Ban Nội chính	Nhất trí với dự thảo			
2	Sở Tư pháp	- Phần căn cứ ban hành: (i) đề nghị trình bày ngày, tháng, năm ban hành của căn cứ thứ 5 phù hợp1 với Mẫu số 16 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 154/2020/NĐ-CP2 ; (ii) trình bày chính xác chủ thể ban hành và tên gọi của căn cứ thứ 5	X		

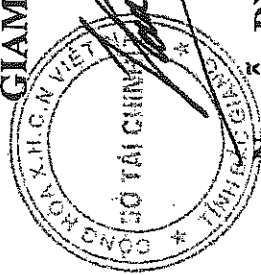
		Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện từ ngân sách tỉnh		"Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm..."
16	Huyện Lục Nam	Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ cho Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện từ ngân sách tỉnh	X	
17	Huyện Lục Ngạn	Nhất trí với dự thảo		
18	Huyện Lạng Giang	Nhất trí với dự thảo		
19	Huyện Yên Thế	Nhất trí với dự thảo		
20	Huyện Tân Yên	Nhất trí với dự thảo		
21	Huyện Hiệp Hòa	Nhất trí với dự thảo		
22	Huyện Việt Yên	Nhất trí với dự thảo		
23	Huyện Yên Dũng	Nhất trí với dự thảo		
24	Thành phố Bắc Giang	Nhất trí với dự thảo		

NGƯỜI TỔNG HỢP



Ngô Văn Chương

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Hiếu

Số: 247 /BC-VP

Bắc Giang, ngày 14 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra nội dung: Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2026

Thực hiện Chương trình công tác tháng 11/2023, Văn phòng UBND tỉnh tiến hành thẩm tra nội dung: “Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024-2026” do Sở Tài chính chủ trì xây dựng, kết quả thẩm tra cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết phải ban hành

1.1. Căn cứ pháp lý:

- Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: (4) Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

- Tại khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, quy định HĐND tỉnh có thẩm quyền: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”;

- Khoản 1 Điều 88 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: “Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm được dự toán trong kinh phí hoạt động của Tòa án, có sự hỗ trợ của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật”.

- Khoản 1, Điều 30 Nghị quyết liên tịch số 05/2005/NQLT-TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN ngày 05/12/2005 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân quy định “Hội đồng nhân dân, UBND địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện về hỗ trợ phương tiện làm việc, kinh phí cho các hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp”;

- Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh về nâng cao chất lượng công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023 - 2026 quy định: “UBND tỉnh Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét, ban

hành Nghị quyết của HĐND về hỗ trợ kinh phí đối với Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh theo quy trình, quy định”.

1.2. Căn cứ thực tiễn:

Tại kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh và HĐND các huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã bầu 228 Hội thẩm Tòa án nhân dân (26 Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, 202 Hội thẩm nhân dân các huyện, thành phố). Số lượng các vụ án hình sự, tranh chấp dân sự, hành chính, kinh doanh thương mại và lao động tăng qua các năm và ngày càng phức tạp về mức độ và tính chất. Với yêu cầu nhiệm vụ xét xử đặt ra ngày càng cao trong giai đoạn hiện nay, Hội thẩm nhân dân có vai trò rất quan trọng trong công tác xét xử và giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm của Tòa án, đảm bảo bản án ban hành khách quan, giúp Tòa án thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nhân dân.

Hiện nay, Hội thẩm nhân dân khi tham gia xét xử được hưởng chế độ bồi dưỡng theo từng vụ án. Hội thẩm nhân dân được hưởng chế độ bồi dưỡng tính theo ngày thực tế tham gia phiên tòa với mức 90.000 đồng/ngày, kể cả ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ tại Tòa án các cấp. Mức phụ cấp hiện tại của Hội thẩm nhân dân không bằng ngày công theo mức lương tối thiểu vùng mà Chính phủ quy định cho lao động phổ thông (*mức lương tối thiểu vùng III: 3.640.000/tháng, một ngày công tương đương 140.000 đồng*), chưa tương xứng với yêu cầu công việc và vị trí, vai trò người Hội thẩm nhân dân, không còn phù hợp với thực tiễn; giá cả, chi phí sinh hoạt ngày càng cao như hiện nay.

Qua tham khảo kinh nghiệm một số địa phương chi hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân như sau: Tỉnh Nghệ An chi bằng 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng; tỉnh Quảng Ninh chi 200.000 đồng/người/ngày; tỉnh Hải Dương chi 180.000 đồng/01 người/01 vụ án; tỉnh Lạng Sơn chi 90.000đ/người/ngày (tối đa không quá 05 ngày/người/vụ).

Từ những cơ sở thực tiễn và căn cứ pháp lý như trên, việc xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, huyện, thành phố tham gia nghiên cứu hồ sơ, xét xử các vụ án trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2024 -2026 là cần thiết.

2. Về trình tự thủ tục:

Sau khi báo cáo và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; Dự thảo Nghị quyết đã được gửi xin ý kiến các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, Ban Nội chính tỉnh uỷ; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang; Tòa án nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân các huyện, thành phố, UBND các huyện, thành phố và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để xin ý kiến nhân dân. Đã có 25 cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến, trong đó 22 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo, 03 cơ quan có ý kiến tham gia; Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo số 454/BC-STP ngày 06/11/2023, các ý kiến tham gia được Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo.

3. Về bố cục, thể thức:

Dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính trình UBND tỉnh, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh được trình bày theo đúng quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Văn phòng UBND tỉnh nhất trí với bố cục, thể thức của dự thảo do Sở Tài chính chủ trì xây dựng.

4. Về nội dung:

Văn phòng UBND tỉnh thẩm tra cơ bản nhất trí với nội dung của dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính trình UBND tỉnh, dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh, dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh do Sở Tài chính chủ trì xây dựng.

5. Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh cho phép Sở Tài chính được trình nội dung trên tại phiên họp thường kỳ của UBND tỉnh tháng 11/2023./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- hosocuo chop@bacgiang.gov.vn;
- VP UBND tỉnh:
- + CVP, PCVP.Đà, KTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.Trung.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phạm Văn Đà



TỈNH ỦY BẮC GIANG
BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH TƯ PHÁP

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Bắc Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2023

*
Số 16-ĐA/BCĐ

ĐỀ ÁN

nâng cao chất lượng công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động
của các Đoàn Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
giai đoạn 2023 - 2026

I- SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Vị trí, vai trò của Hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử

Ở nước ta, bản chất dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân không chỉ thể hiện ở việc các công chức tư pháp tận tụy, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, mà còn thể hiện ở việc huy động quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động xét xử, góp phần thực thi và bảo vệ công lý. Bằng kinh nghiệm, hiểu biết và kiến thức của mình, Hội thẩm nhân dân mang đến phiên tòa những quan niệm đạo đức chung của xã hội, sự nhận xét, đánh giá của Nhân dân về hành vi phạm tội, tính chất của các tranh chấp theo lẽ phải và công bằng.

Trải qua các lần sửa đổi Hiến pháp, nguyên tắc "xét xử sơ thẩm của tòa án nhân dân có Hội thẩm nhân dân tham gia" luôn được hiến định như một phương thức để Nhân dân trực tiếp tham gia và giám sát hoạt động xét xử của Tòa án. Tại Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: "(1) Việc xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân có Hội thẩm tham gia, trừ trường hợp xét xử theo thủ tục rút gọn. (2) Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm...(4) Tòa án nhân dân xét xử tập thể và quyết định theo đa số...".

Hội thẩm nhân dân bằng sự tham gia của mình vào Hội đồng xét xử mà thực hiện quyền lực tư pháp và thông qua đó để Nhân dân tham gia một cách có hiệu quả vào công tác quản lý nhà nước nói chung, hoạt động của Tòa án nói riêng. Chính bằng hoạt động xét xử, Hội thẩm nhân dân góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tôn trọng những quy tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng, chống tội phạm, các vi phạm pháp luật khác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Sự cần thiết xây dựng Đề án

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, các loại tội phạm, tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân cũng có chiều hướng gia tăng. Tính bình quân năm 2015, Tòa án hai cấp thụ lý khoảng 6.000 vụ việc các loại, đến năm

2022 đã thụ lý khoảng 9.000 vụ việc các loại. Nhiệm vụ được giao cho Tòa án hai cấp ngày càng nhiều, số lượng các vụ việc phải thụ lý, giải quyết tăng cao, trong khi đó phải thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

Hội thẩm nhân dân có vị trí quan trọng, được Hiến pháp và các luật liên quan ghi nhận, có nhiệm vụ xét xử các vụ án sơ thẩm, ngang quyền Thẩm phán nhưng cơ chế quản lý hiện tại chưa chặt chẽ; cơ cấu tổ chức đơn giản, hoạt động theo hình thức tự quản. Chế độ, chính sách, trang thiết bị, phương tiện làm việc không có hoặc nếu có nhưng chưa đáp ứng yêu cầu. Trình độ, năng lực, kỹ năng xét xử của một số Hội thẩm nhân dân còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân với đoàn Hội thẩm nhân dân và các cơ quan chức năng còn hạn chế. Nhận thức của hệ thống chính trị và người dân về đội ngũ Hội thẩm nhân dân, vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội thẩm nhân dân còn hạn chế; chưa thật sự quan tâm nâng cao chất lượng hội thẩm nhân dân.

Trước tình hình đó, việc ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của các Đoàn Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2026 là hết sức cần thiết; qua đó góp phần đẩy mạnh cải cách tư pháp, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Đảng về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, trọng tâm là Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

II- CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ, CƠ SỞ THỰC TIỄN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (*viết tắt là Nghị quyết số 49-NQ/TW*); Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW; Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW;

- Hiến pháp năm 2013; Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

- Nghị quyết liên tịch số 05/2005/NQLT-TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN ngày 05/12/2005 của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân; Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành "*Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân*";

- Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-TANDTC-UBTWMTTQVN ngày 01/3/2004 của Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam "*Về việc chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân*";

- Kết luận số 175-KL/BCĐ ngày 15/8/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh Bắc Giang tại Hội nghị làm việc với đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh.

(có Phụ lục I - Danh mục các văn bản về công tác Hội thẩm nhân dân kèm theo)

2. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian qua, công tác hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh nói chung và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân hai cấp (*tỉnh và huyện*) nói riêng đã có chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân các cấp, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật theo tinh thần cải cách tư pháp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân còn nhiều hạn chế: Các đoàn Hội thẩm nhân dân, các đồng chí lãnh đạo đoàn Hội thẩm nhân dân chưa chủ động thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Tòa án nhân dân cùng cấp chưa thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân. Công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân với đoàn Hội thẩm nhân dân và các cơ quan chức năng trong thực hiện nhiệm vụ còn nhiều hạn chế. Việc giám sát đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân chưa được thực hiện thường xuyên,...

Từ thực tiễn trên, đặt ra yêu cầu cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân, nhằm thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ, kỹ năng xét xử của Hội thẩm nhân dân, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

III- THỰC TRẠNG CÔNG TÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về tổ chức và hoạt động của đội ngũ Hội thẩm nhân dân

1.1. Về quy trình lựa chọn, bầu Hội thẩm nhân dân

Quy trình lựa chọn, bầu Hội thẩm nhân dân được quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-TANDTC-UBTWMTTQVN ngày 01/3/2004 của Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân theo các bước sau:

Bước một: Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thống nhất với Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp về cơ cấu, thành phần, số lượng dự kiến đưa ra bầu Hội thẩm nhân dân trong nhiệm kỳ tới.

Bước hai: Ủy ban MTTQ Việt Nam chủ trì và phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp xem xét lại đội ngũ Hội thẩm nhân dân đương nhiệm, những trường hợp đủ điều kiện thì đưa vào danh sách giới thiệu bầu. Nếu còn thiếu thì Ủy ban MTTQ Việt Nam hiệp thương với các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến giới thiệu người bầu làm Hội thẩm nhân dân.

Bước ba: Sau khi thống nhất với chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp, Ủy ban MTTQ Việt Nam lập danh sách và hồ sơ nhân sự được giới thiệu để bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân và có văn bản giới thiệu ra HĐND cùng cấp để bầu Hội thẩm nhân dân.

1.2. Kết quả lựa chọn, bầu Hội thẩm nhân dân

Nhiệm kỳ 2021 - 2026, Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Giang đã phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh và ủy ban MTTQ các huyện, thành phố làm thủ tục giới thiệu nhân sự; HĐND tỉnh và HĐND các huyện, thành phố đã bầu được tổng số 228 Hội thẩm nhân dân. Số lượng Hội thẩm nhân dân giới thiệu đưa ra bầu không có số dư. Việc lựa chọn Hội thẩm nhân dân được căn cứ các quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị, không phụ thuộc vào Tòa án nhân dân cùng cấp.

Trong đó, số Hội thẩm tái nhiệm là 138 người, số bầu mới là 90 người; 120 cán bộ hưu, 108 cán bộ đương chức; có 73 Hội thẩm nữ và 155 Hội thẩm nam; số Hội thẩm có chuyên môn pháp lý 48 người (21%); đại học, cao đẳng chuyên ngành khác 180 người. Ngành nghề công tác của Hội thẩm khá đa dạng, bao gồm các ngành, lĩnh vực như: Nhà báo, Luật gia, Đoàn Thanh niên, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban MTTQ, Hiệp hội doanh nghiệp, Công Thương, Hội Nông dân, Y tế, Ủy viên Ủy ban Đoàn kết công giáo, Ban Dân vận, Kinh tế và Hạ tầng,...

(có Phụ lục 2, 3 - Danh sách chi tiết về đội ngũ Hội thẩm nhân dân toàn tỉnh kèm theo)

1.3. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân

Cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân được quy định tại “*Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân*” ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Thực tiễn hiện nay, trên địa bàn toàn tỉnh có tổng số 11 đoàn Hội thẩm nhân dân (01 đoàn cấp tỉnh gồm 26 người, 10 đoàn cấp huyện gồm 202 người). Các đoàn Hội thẩm nhân dân có 01 trưởng đoàn và từ một đến hai phó trưởng đoàn được các Hội thẩm bầu và do Thường trực HĐND cùng cấp công nhận. Đoàn Hội thẩm nhân dân là tổ chức tự quản, không có tư cách pháp nhân.

Các đoàn Hội thẩm nhân dân xây dựng quy chế hoạt động, xây dựng quy định về hoạt động tình nghĩa, đối ngoại, xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa Tòa án nhân dân và đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh Bắc Giang. Thường xuyên giữ mối liên hệ với lãnh đạo Tòa án nhân dân cùng cấp để tranh thủ sự quan tâm cả về chuyên môn nghiệp vụ và điều kiện hoạt động, bảo đảm thực hiện sự phân công Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử phù hợp với yêu cầu xét xử sơ thẩm và thực hiện các chế độ, kinh phí hỗ trợ hoạt động cho đoàn Hội thẩm và Hội thẩm nhân dân theo quy định.

Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ khi nhận được phân công của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp thông qua hình thức lịch phiên tòa và Quyết định đưa

vụ án ra xét xử. Các văn bản phân công được gửi đến Hội thẩm nhân dân bằng nhiều hình thức khác nhau như: Văn bản, thư điện tử, mạng xã hội Zalo... Để thuận tiện trong công tác và nâng cao tính chuyên môn hóa, Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh được phân chia thành các nhóm theo từng lĩnh vực (*Hình sự, Dân sự, Hành chính, Hôn nhân gia đình và Người chưa thành niên*). Đoàn Hội thẩm nhân dân các huyện, thành phố được phân thành các nhóm gắn với mỗi Thẩm phán. Định kỳ (*cấp tỉnh là 6 tháng; cấp huyện là 01 năm*), tiến hành chuyển đổi giữa các nhóm Hội thẩm nhân dân.

2. Nguồn kinh phí thực hiện công tác hội thẩm nhân dân

Hiện nay, nguồn kinh phí thực hiện công tác hội thẩm nhân dân do Tòa án nhân dân tối cao cấp bảo đảm, gồm 02 loại: (1) Kinh phí tập huấn; (2) Kinh phí bồi dưỡng phiên tòa. Hằng năm, trên cơ sở số vụ án do Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bắc Giang xét xử, Tòa án nhân dân tối cao phân bổ 02 loại kinh phí nêu trên theo định mức về Tòa án nhân dân tỉnh¹. Trên cơ sở đó, Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và phân bổ kinh phí bồi dưỡng phiên tòa về các Tòa án nhân dân huyện, thành phố để chi trả theo số ngày chấm công thực tế. Các đợt tập huấn cho Hội thẩm nhân dân, Tòa án nhân dân hai cấp đều tập trung vào thực hiện những chuyên đề thiết thực, trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ Hội thẩm nhân dân.

(có Phụ lục 4 - Thống kê số vụ án và kinh phí chi trả cho Hội thẩm nhân dân trong 3 năm gần nhất kèm theo)

3. Hạn chế

- Hội thẩm nhân dân thực hiện quyền tư pháp, xét xử các loại vụ án nhưng cơ chế quản lý hiện tại chưa chặt chẽ; cơ cấu tổ chức đơn giản, hoạt động theo hình thức tự quản. Chế độ, chính sách, trang thiết bị, phương tiện làm việc không có hoặc nếu có nhưng chưa đáp ứng yêu cầu, không tương xứng vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

- Một số Hội thẩm nhân dân là cán bộ đương chức chưa tích cực, chủ động tham gia tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chưa chủ động nghiên cứu hồ sơ, tài liệu vụ án. Thời gian trung bình để mỗi Hội thẩm nhân dân nghiên cứu hồ sơ vụ án là 1,5 ngày và xét xử 01 ngày còn ngắn, chưa đáp ứng yêu cầu.

- Việc tham gia xét xử của các Hội thẩm nhân dân chưa được đồng đều, chủ yếu tập trung vào một số vị Hội thẩm nhân dân là cán bộ hưu trí². Một số Hội thẩm nhân dân thiếu kinh nghiệm, kỹ năng, nghiệp vụ xét xử; chưa thể hiện được vai trò

¹ Do Tòa án nhân dân tối cao cấp kinh phí theo số án nên quá trình lập dự toán, Tòa án nhân dân và Đoàn Hội thẩm nhân dân không phối hợp thực hiện lập dự toán. Tòa án nhân dân và Đoàn Hội thẩm nhân dân hai cấp đã nhiều lần kiến nghị, lập dự toán xin kinh phí hoạt động và bổ sung chế độ bồi dưỡng phiên tòa cho Hội thẩm nhân dân nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

² Số Hội thẩm nhân dân thường xuyên tham gia xét xử là 140/228.

của Hội thẩm nhân dân trong công tác xét xử. Tỷ lệ Hội thẩm nhân dân có chuyên môn đào tạo đại học luật còn thấp (hiện có 48/228 người, đạt 21%).

- Một số Hội thẩm nhân dân chưa tích cực tham gia tập huấn nghiệp vụ chuyên môn³. Trong nghiên cứu hồ sơ vụ án, một số Hội thẩm nhân dân chưa tập trung nghiên cứu chuyên sâu, đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng; chậm cập nhật những nội dung mới trong các quy định của pháp luật.

- Công tác tự tổ chức sinh hoạt nội bộ, tọa đàm, rút kinh nghiệm về nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng hội thẩm, chất lượng công tác xét xử chưa được quan tâm (*từ đầu nhiệm kì đến nay, các đoàn Hội thẩm nhân dân chưa tự tổ chức được cuộc tọa đàm, rút kinh nghiệm*). Việc giữ mối liên hệ với Thường trực Hội thẩm nhân dân, Thường trực Ủy ban MTTQ cùng cấp chưa chặt chẽ.

- Mức bồi dưỡng chưa tương xứng với yêu cầu công việc và vị trí, vai trò của Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử (*hiện nay, ngoài chế độ về trang phục, Hội thẩm nhân dân chưa được hưởng phụ cấp theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân mà chỉ được hưởng chế độ bồi dưỡng phiên tòa với mức 90.000 đồng/ngày nghiên cứu hồ sơ hoặc xét xử⁴*).

4. Nguyên nhân của những hạn chế

4.1. Nguyên nhân chủ quan

- Sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền đối với công tác hội thẩm nhân dân còn hạn chế. Nhận thức của hệ thống chính trị và người dân về đội ngũ Hội thẩm nhân dân và vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Hội thẩm nhân dân còn hạn chế.

- Đoàn Hội thẩm nhân dân, các đồng chí lãnh đạo đoàn Hội thẩm nhân dân chưa thực hiện đầy đủ yêu cầu, chức trách, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII và Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Công tác phối hợp giữa Tòa án nhân dân cùng cấp với đoàn Hội thẩm nhân dân và các cơ quan chức năng thực hiện công tác Hội thẩm nhân dân còn nhiều hạn chế; chưa có cơ chế đánh giá trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân. Công tác giám sát hoạt động Hội thẩm nhân dân và đoàn Hội thẩm nhân dân chưa được thực hiện thường xuyên,...

4.2. Nguyên nhân khách quan

- Đoàn Hội thẩm nhân dân là hình thức tổ chức tự quản, hình thành theo nhiệm kỳ do HĐND cùng cấp bầu ra, không có cấp nào quản lý hay lãnh đạo, chỉ đạo. Hiện nay chưa có chế tài cụ thể đối với trường hợp Hội thẩm nhân dân từ chối tham gia xét

³ Số Hội thẩm nhân dân không tham gia tập huấn, tham gia không đầy đủ: 16 người.

⁴ Theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ, tại thời điểm đó mức lương cơ sở là 1.050.000 đồng.

xử mà không có lý do chính đáng. Chưa có cơ chế bảo vệ Hội thẩm nhân dân và gia đình của họ, đặc biệt là xét xử các vụ án lớn, nhạy cảm, nghiêm trọng, phức tạp.

- Kinh phí hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân không có. Do đó các đoàn Hội thẩm nhân dân gặp khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt nội bộ, tọa đàm, rút kinh nghiệm về nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng hội thẩm nhân dân. Mặt khác, do chưa có cơ chế bắt buộc Hội thẩm nhân dân tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nên một số Hội thẩm nhân dân không tham gia hoặc tham gia chưa đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị sơ kết, tổng kết.

- Nhiệm vụ được giao cho Tòa án nhân dân hai cấp ngày càng nhiều, số lượng các vụ việc phải thụ lý, giải quyết tăng cao. Cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện làm việc của Tòa án nhân dân một số nơi còn khó khăn, thiếu thốn. Kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động Tòa án nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung của ngành Tòa án và công tác chăm lo cho đội ngũ Hội thẩm nhân dân.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu của Đề án

1.1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp trên địa bàn tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- 100% đoàn Hội thẩm nhân dân thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới Quy chế hoạt động bảo đảm chất lượng, thiết thực, toàn diện, làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân.

- 100% Hội thẩm nhân dân tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về kỹ năng xét xử, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức các hoạt động tọa đàm, hội thảo, rút kinh nghiệm chuyên đề nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho Hội thẩm nhân dân.

- 100% đoàn Hội thẩm nhân dân ký Quy chế phối hợp với Tòa án nhân dân cùng cấp, xây dựng cơ chế đánh giá trách nhiệm của Hội thẩm nhân dân để động viên, khen thưởng những Hội thẩm nhân dân tích cực, trách nhiệm trong công tác; đồng thời, kiến nghị, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm đối với Hội thẩm nhân dân thiếu trách nhiệm, năng lực trình độ hạn chế, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao để có hình thức xử lý phù hợp.

- 100% đoàn Hội thẩm nhân dân thực hiện nghiêm chức trách, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn Hội thẩm (ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

XIII). Thường xuyên giữ mối liên hệ với thường trực HĐND, thường trực Ủy ban MTTQ cùng cấp.

- 100% Tòa án nhân dân cùng cấp thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với tổ chức và hoạt động Hội thẩm nhân dân và đoàn Hội thẩm nhân dân. Các cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án; đề ra các giải pháp nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân. Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ Hội thẩm nhân dân. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo công tác các cơ quan bảo vệ pháp luật, gắn với lãnh đạo, chỉ đạo về công tác hội thẩm nhân dân.

2.2. Đổi mới phương pháp hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân; củng cố, kiện toàn kịp thời tổ chức, lãnh đạo đoàn Hội thẩm nhân dân. Nâng cao vai trò của người đứng đầu và ý thức, tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các Hội thẩm nhân dân. Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới Quy chế tổ chức và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân bảo đảm khoa học, chặt chẽ, rõ vai trò, trách nhiệm, dễ quản lý, dễ đánh giá, nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân, phù hợp với tình hình thực tế.

2.3. Thực hiện tốt trách nhiệm của Tòa án đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân (*ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII*). Đa dạng các hình thức tập huấn, bồi dưỡng, rút kinh nghiệm theo hình thức “*cầm tay chỉ việc*”; gắn việc kiểm điểm rút kinh nghiệm của Thẩm phán với việc kiểm điểm rút kinh nghiệm của Hội thẩm nhân dân nói chung trong các vụ án và nói riêng trong cùng Hội đồng xét xử.

2.4. Xây dựng các quy chế phối hợp, trong đó có cơ chế đánh giá kết quả hoạt động, thực hiện nhiệm vụ và gắn với trách nhiệm người đứng đầu đoàn Hội thẩm nhân dân và các Hội thẩm nhân dân, nhất là Hội thẩm nhân dân là cán bộ đương chức. Bổ sung cơ chế kiến nghị xem xét trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan có Hội thẩm nhân dân đương chức không tạo điều kiện cho Hội thẩm nhân dân thực hiện nhiệm vụ.

2.5. Nghiên cứu, đề ra giải pháp nâng cao chất lượng nhân sự để giới thiệu cho HĐND cùng cấp bầu Hội thẩm nhân dân (*nhân sự giới thiệu phải có số dư*). Trong đó, cần có các tiêu chuẩn lựa chọn nhân sự như: (1) Là những người có hiểu biết pháp luật (*đã từng kinh qua công tác pháp luật; làm các công tác thường xuyên liên quan đến pháp luật; được đào tạo nhất định về pháp luật...*); (2) Có chuyên môn sâu

về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học công nghệ,...; (3) Có uy tín trong Nhân dân nơi cư trú, trong tập thể những người cùng làm việc; (4) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần thẳng thắn trong đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật,... Phần đầu tăng tỷ lệ Hội thẩm nhân dân có trình độ cử nhân luật để bảo đảm thực hiện tốt công tác xét xử, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2.6. Đẩy mạnh giám sát công tác hội thẩm nhân dân và đoàn Hội thẩm nhân dân. Thực hiện giám sát thường xuyên để nâng cao chất lượng hoạt động công tác hội thẩm nhân dân và các đoàn Hội thẩm nhân dân. Thường xuyên rà soát, thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân, lựa chọn những người có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để bầu bổ sung Hội thẩm nhân dân theo quy định.

2.7. Có cơ chế đánh giá, kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với các Hội thẩm nhân dân thiếu trách nhiệm, không thực hiện, từ chối thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm tham gia xét xử.

2.8. Nâng cao chế độ đãi ngộ, hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hội thẩm nhân dân và các đoàn Hội thẩm nhân dân bằng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

V- KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí và mức hỗ trợ

1.1. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh

- Hỗ trợ cho Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh tham gia nghiên cứu và xét xử; mức hỗ trợ 200.000 đồng/01 người/01 vụ án.

Số vụ án có Hội thẩm nhân dân tham gia (dự kiến): 800 vụ⁵/năm (tính chung 02 Hội thẩm tham gia xét xử một vụ). Dự toán kinh phí hỗ trợ 01 năm: $(800 \text{ vụ} * 200.000 \text{ đồng/01 người} * 02 \text{ người/vụ}) = 320.000.000 \text{ đồng}$.

- Hỗ trợ kinh phí sơ kết, tổng kết, học tập kinh nghiệm hằng năm: Dự trù kinh phí (02 ngày) = 167.040.000đ.

Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh mỗi năm: $320.000.000 + 167.040.000 = 487.040.000 \text{ đồng}$.

(có Phụ lục 5 - Tham khảo mức hỗ trợ của một số địa phương trong việc hỗ trợ kinh phí cho hoạt động Hội thẩm nhân dân và Phụ lục 6 - Dự trù kinh phí tổ chức sơ kết, tổng kết, học tập kinh nghiệm công tác Hội thẩm nhân dân kèm theo)

1.2. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách huyện, thành phố

Hỗ trợ cho Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện tham gia nghiên cứu và xét xử; mức hỗ trợ 150.000 đồng/01 người/01 vụ án.

⁵ Trong 03 năm gần đây, số vụ án sơ thẩm có Hội thẩm nhân dân tham gia nghiên cứu, xét xử (thống kê toàn tỉnh) như sau, năm 2020: 3.906 vụ; năm 2021: 3.151 vụ; năm 2022: 3.246 vụ. Bình quân 3.434 vụ/năm.

Số vụ án có Hội thẩm nhân dân tham gia (dự kiến): 2.700 vụ⁶/năm (tính chung 02 Hội thẩm tham gia xét xử một vụ). Dự toán kinh phí hỗ trợ 01 năm (2.700 vụ * 150.000 đồng/01 người * 02 người/vụ) = 810.000.000 đồng.

1.3. Tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách (03 năm từ 2024 đến 2026)

- Kinh phí hỗ trợ hai cấp mỗi năm = 487.040.000 + 810.000.000 = 1.297.040.000 đồng (Một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Kinh phí hỗ trợ cả giai đoạn 2024 - 2026 (03 năm) = 1.297.040.000 x 3 = 3.891.120.000 đồng (Ba tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng).

2. Trình tự, thủ tục liên quan đến duyệt, cấp hỗ trợ kinh phí hằng năm

- Trên cơ sở định mức nêu trên, HĐND tỉnh xem xét thông qua và ban hành Nghị quyết giao UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố thực hiện.

- Kinh phí được giao cho Tòa án nhân dân tỉnh và các toà án nhân dân cấp huyện quản lý, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

- UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, giám sát thường xuyên, bảo đảm mọi hoạt động chi, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật và Đề án này.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực HĐND tỉnh, thường trực HĐND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo tăng cường công tác giám sát đối với công tác hội thẩm nhân dân trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với ban thường trực ủy ban MTTQ và Tòa án nhân dân cùng cấp kiến nghị HĐND cùng cấp miễn nhiệm Hội thẩm nhân dân vì lý do sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác theo quy định; bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân có vi phạm phẩm chất đạo đức hoặc vi phạm pháp luật, không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định; đồng thời, đề xuất bầu bổ sung Hội thẩm nhân dân khuyết thiếu khi cần thiết.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đưa vào chương trình ký hợp và thẩm định nội dung, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương, *hoàn thành trong năm 2023.*

2. MTTQ cấp tỉnh, cấp huyện

- Ủy ban MTTQ tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí lựa chọn, giới thiệu nhân sự tham gia làm Hội thẩm nhân dân theo đúng tinh thần Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-TANDTC-

⁶ Trong 03 năm gần đây, số vụ án sơ thẩm có Hội thẩm nhân dân tham gia nghiên cứu, xét xử (thống kê toàn tỉnh) như sau, năm 2020: 3.906 vụ; năm 2021: 3.151 vụ; năm 2022: 3.246 vụ. Bình quân 3.434 vụ/năm.

UBTWMTTQVN ngày 01/3/2004 của Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Về việc hướng dẫn chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân” và điểm 2.5, mục 2, Phần IV Đề án này, bảo đảm phù hợp với thực tế, đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, *hoàn thành trong quý IV/2023.*

- Thường xuyên nắm tình hình, tổ chức làm việc, trao đổi, kiểm tra, giám sát về tổ chức và hoạt động của các đoàn Hội thẩm nhân dân và việc thực hiện trách nhiệm của Tòa án đối với công tác hội thẩm, hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.

3. Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân các huyện, thành phố

- Thực hiện nghiêm trách nhiệm của Tòa án đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn Hội thẩm (ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII), *thực hiện thường xuyên.*

- Tòa án nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban MTTQ tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng tiêu chí lựa chọn, giới thiệu nhân sự tham gia làm Hội thẩm nhân dân theo đúng tinh thần Thông tư liên tịch số 01/2004/TT.LT-TANDTC-UBTWMTTQVN ngày 01/3/2004 của Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Về việc hướng dẫn chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân” và điểm 2.5, mục 2, Phần IV Đề án này, *hoàn thành trong quý IV/2023.*

- Chủ trì, phối hợp với Đoàn Hội thẩm nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng, hướng dẫn thực hiện Quy chế phối hợp, trong đó có cơ chế đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân, nhất là Hội thẩm nhân dân là cán bộ đương chức, *hoàn thành trong quý IV/2023.* Kịp thời báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân sức khỏe yếu, năng lực, trình độ hạn chế, thiếu trách nhiệm trong công tác xét xử, không hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời kiến nghị bầu bổ sung Hội thẩm nhân dân khuyết thiếu khi cần thiết, *thực hiện thường xuyên.*

- Thực hiện tốt việc phân công hội thẩm nhân dân tham gia xét xử theo đúng quy định, bảo đảm khoa học, hiệu quả, phù hợp với năng lực chuyên môn, sở trường, đúng quy định của pháp luật. Đa dạng các hình thức tập huấn, bồi dưỡng, rút kinh nghiệm theo hình thức “cầm tay chỉ việc” để nâng cao trình độ, kỹ năng, nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm nhân dân. Chủ trì tổ chức rút kinh nghiệm về công tác xét xử của Hội thẩm nhân dân qua các phiên tòa rút kinh nghiệm; gắn việc kiểm điểm rút kinh nghiệm của Thẩm phán với việc kiểm điểm rút kinh nghiệm của Hội thẩm nhân dân nói chung trong các vụ án và nói riêng trong cùng Hội đồng xét xử.

- Tòa án nhân dân tỉnh chủ động phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về hỗ trợ đối với Hội

thẩm nhân dân hai cấp, *hoàn thành trong năm 2023*. Hằng năm, chỉ đạo quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án bảo đảm công khai, minh bạch; thực hiện thanh, quyết toán đúng quy định.

4. Đoàn Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện

- Rà soát Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 để sửa đổi, bổ sung bảo đảm khoa học, chặt chẽ; cụ thể các nội dung theo hướng rõ vai trò, trách nhiệm, để quản lý, để đánh giá, nâng cao trách nhiệm của tập thể, cá nhân theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế, *hoàn thành trong quý IV/2023*.

- Phối hợp với Tòa án nhân dân cùng cấp nghiên cứu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế phối hợp, trong đó có cơ chế đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân, nhất là Hội thẩm nhân dân là cán bộ đương chức, *hoàn thành trong Quý IV/2023*. Kịp thời báo cáo, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân sức khỏe yếu, năng lực trình độ hạn chế, thiếu trách nhiệm trong công tác xét xử, không hoàn thành nhiệm vụ; đồng thời kiến nghị bầu bổ sung Hội thẩm nhân dân khuyết thiếu khi cần thiết, *thực hiện thường xuyên*.

- Phối hợp chặt chẽ với Tòa án nhân dân hai cấp và các cơ quan liên quan trong việc đánh giá, nhận xét, phân công Hội thẩm nhân dân tham gia hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân nói chung và tham gia công tác xét xử nói riêng; tích cực, chủ động thực hiện hiệu quả trách nhiệm của đoàn Hội thẩm nhân dân, Trưởng Đoàn, Phó trưởng đoàn Hội thẩm nhân dân theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân (*ban hành kèm theo Nghị quyết số 1213/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII*).

5. Các cơ quan, đơn vị có cán bộ tham gia Hội thẩm nhân dân (Nhà báo, Luật gia, Đoàn Thanh niên, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban MTTQ, Hiệp hội doanh nghiệp, Công thương, Hội Nông dân, Y tế, Ủy viên Ủy ban Đoàn kết công giáo, Ban Dân vận, Kinh tế và Hạ tầng,...)

- Thực hiện nghiêm Khoản 4, Điều 91 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: "*Trong thời gian Hội thẩm nhân dân làm nhiệm vụ theo sự phân công của chánh án Tòa án nhân dân thì cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý Hội thẩm nhân dân đó không được điều động, phân công Hội thẩm nhân dân làm việc khác, trừ trường hợp đặc biệt và phải thông báo cho chánh án Tòa án nhân dân biết*".

- Phối hợp với Tòa án nhân dân, đoàn Hội thẩm nhân dân cùng cấp xây dựng Quy chế phối hợp giữa toà án nhân dân và đoàn Hội thẩm nhân dân cùng cấp, trong đó có cơ chế đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân đương chức; phối hợp xử lý trách nhiệm đối với Hội thẩm nhân dân bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bị đánh giá là thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác xét xử, không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định.

6. UBND tỉnh

- Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết của HĐND về hỗ trợ kinh phí đối với Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh theo quy trình, quy định, *hoàn thành trong năm 2023*.

- Chỉ đạo thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định hiện hành.

7. Các huyện ủy, thành ủy, UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án này trên địa bàn.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với công tác hội thẩm nhân dân và tổ chức, hoạt động của đoàn Hội thẩm nhân dân bằng các giải pháp, biện pháp cụ thể; có cơ chế khen thưởng, động viên đối với Hội thẩm nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ, tích cực tham gia hoạt động xét xử của Tòa án.

- Căn cứ Đề án và Nghị quyết của HĐND tỉnh, bố trí kinh phí thực hiện Đề án trên địa bàn hằng năm.

8. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, định hướng tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm đối với công tác hội thẩm nhân dân và hoạt động của Đoàn Hội thẩm nhân dân; tăng cường giáo dục tư tưởng, chính trị cho các Hội thẩm nhân dân.

9. Ban Nội chính Tỉnh ủy - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Tòa án nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án. Tham mưu Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh sơ kết Đề án vào quý IV/2024, tổng kết Đề án vào quý IV/2026. Tham mưu điều chỉnh cơ chế hỗ trợ kinh phí đối với Hội thẩm nhân dân trên địa bàn tỉnh theo Đề án này bảo đảm phù hợp khi có chính sách mới của Trung ương.

Quá trình thực hiện Đề án, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh (*qua Ban Nội chính Tỉnh ủy*) để kịp thời xem xét, điều chỉnh.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (*báo cáo*),
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Ủy ban MTTQ tỉnh,
- Sở Tài chính,
- Các huyện, thành ủy, UBND các huyện, thành phố,
- Tòa án nhân dân, đoàn Hội thẩm nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện,
- Ban Nội chính Tỉnh ủy,
- Các thành viên Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh và Tổ giúp việc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY

kiêm

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(kèm theo Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh)

STT	TÊN, NỘI DUNG VĂN BẢN	GHI CHÚ
I.	CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG	
1.	Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.	
2.	Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 <i>(viết tắt là Nghị quyết số 49-NQ/TW)</i> .	
3.	Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW.	
4.	Kết luận số 175-KL/BCĐ ngày 15/8/2022 của Trưởng Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh Bắc Giang tại Hội nghị làm việc với Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh.	
5.	Thông báo số 1296/TB/TU ngày 30/9/2022 thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban với các cơ quan Khôi nội chính tỉnh Quý III/2022.	
6.	Chương trình số 50-CTr/BCĐ ngày 06/3/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh Bắc Giang về trọng tâm công tác cải cách tư pháp năm 2023.	
II.	PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	
1.	Hiến pháp năm 2013.	
2.	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.	
3.	Bộ luật Tố tụng hình sự.	
4.	Bộ luật Tố tụng dân sự.	
5.	Luật Tố tụng hành chính.	

6.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương.	
7.	Luật Ngân sách Nhà nước.	
8.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 1213/2016/UBTVQH13, ngày 13-6-2016, ban hành " <i>Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm</i> ".	
9.	Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 1214/2016/UBTVQH13, ngày 13-6-2016 " <i>Về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; giấy chứng minh Thẩm phán, giấy chứng minh Hội thẩm</i> ".	
10.	Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.	
11.	Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-TANDTC-UBTWMTTQVN, ngày 01/3/2004, của Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, " <i>Về việc hướng dẫn về việc chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân</i> ".	
12.	Nghị quyết liên tịch số 05/2005/NQLT-TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN ngày 05/12/2005 về việc ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân.	
13.	Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự.	
14.	Công văn số 16588/CVLT-BTC-TANDTC ngày 28/11/2012 của Bộ Tài chính, TAND tối cao về việc hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ quan TAND từ NSDP.	

PHỤ LỤC 2

**DANH SÁCH HỘI THĂM NHÂN DÂN DÂN NHIỆM KỲ 2021 - 2026
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp	Hội thẩm TAND		Ghi chú
		Nam	Nữ				Huyện	Tỉnh	
I. TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG									
1	Ngô Văn Bé	1952		Kinh	CD	CB hưu		x	Tái nhiệm
2	Nguyễn Thị Bích		1960	Kinh	Cử nhân luật	CB hưu		x	Tái nhiệm
3	Nguyễn Văn Chiến	1953		Kinh	Cử nhân luật	CB hưu		x	Tái nhiệm
4	Nguyễn Bình Dương	1963		Kinh	Cử nhân kinh tế	Nhà báo - Phó CT TT hội nhà báo tỉnh BG		x	Tái nhiệm
5	Lý Đình Đạt	1967		Kinh	Cử nhân luật	Phó CT hội luật gia tỉnh BG		x	Tái nhiệm
6	Tô Văn Đức	1990		Kinh	Cử nhân luật	Phó trưởng ban TNNTCN&ĐT tỉnh đoàn BG		x	
7	Đặng Thiên Hùng	1964		Kinh	Cử nhân luật	Trưởng phòng tôn giáo số nội vụ tỉnh BG		x	

8	Vũ Văn Hưng	1976		Kinh	Cử nhân luật	Phó chánh thanh tra số TN&MT		X	
9	Nguyễn Đức Kha	1953		Kinh	thạc sỹ kinh tế	Phó CT hiệp hội DN tỉnh		X	Tái nhiệm
10	Hoàng Văn Khánh	1956		Kinh	Cử nhân ngữ văn	CB hưu		X	Tái nhiệm
11	Lê Thị Minh Khánh		1959	Kinh	Cử nhân luật	CB hưu		X	Tái nhiệm
12	Trần Văn Khiêm	1957		Kinh	Cử nhân kinh tế	CB hưu		X	Tái nhiệm
13	Đặng Ngọc Long	1977		Kinh	Cử nhân luật	UV ban thường trực, trưởng ban DCP.LUB.MTTQ tỉnh BG		X	
14	Đỗ Văn Long	1961		Kinh	Cử nhân sư phạm toán	Trưởng phòng TCCB số GD&ĐT		X	
15	Nguyễn Thị Phú		1966	Kinh	Cử nhân	Bí thư Đảng ủy hiệp hội DN tỉnh BG		X	
16	Nguyễn Hồng Phương	1955		Kinh	Cử nhân luật	CB hưu		X	Tái nhiệm
17	Thân Minh Quế	1963		Kinh	Cử nhân kinh tế	Tỉnh ủy viên, Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh		X	
18	Nguyễn Hoàng Tâm	1953		Kinh	Cử nhân kinh tế	CB hưu		X	Tái nhiệm

19	Hoàng Văn Thành	1956		Kinh	Cử nhân luật	CB hưu		X	Tái nhiệm
20	Lê Đức Thọ	1973		Kinh	Cử nhân luật	Phó CT liên đoàn LĐ tỉnh		X	
21	Khuông Văn Thông	1961		Kinh	Cử nhân kinh tế	CB hưu		X	
22	Nguyễn Văn Thục	1959		Kinh	Kỹ sư xây dựng	CB hưu		X	Tái nhiệm
23	Nguyễn Văn Thủy	1963		Kinh	Cử nhân học viên hậu cần	CB hưu		X	Tái nhiệm
24	Phan Mạnh Thức	1974		Kinh	Thạc sỹ QLKT	Phó chánh thanh tra sở công thương		X	
25	Phạm Thị Tuyết Trinh		1980	Kinh	Cử nhân luật	Trưởng ban tuyên giáo, chính sách PL hội LHPN tỉnh		X	Tái nhiệm
26	Ngô Kim Tuyển	1968		Kinh	Cử nhân kinh tế.	Phó trưởng ban xây dựng hội, Hội nông dân tỉnh		X	
II. TÒA ÁN THÀNH PHỐ BẮC GIANG									
27	Nguyễn Thị Vương		1953	Kinh	CD sư phạm	Cán bộ hưu		X	Tái nhiệm
28	Phạm Thị Thu		1959	Kinh	Trung cấp QLKT	Cán bộ hưu		X	Tái nhiệm
29	Nguyễn Thị Thủy		1961	Kinh	CD sư phạm	Cán bộ hưu		X	Tái nhiệm

30	Hoàng Thị Hồng		1954	Kinh	PTTH 10/10	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
31	Nguyễn Thị Biên		1957	Kinh	CD sư phạm	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
32	Thần Thị Tuyết Nhung		1964	Kinh	Đại học Luật	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
33	Nguyễn Thị Lan		1968	Kinh	Đại học Luật	UBMTTQ phường Hoàng Văn Thụ	x		Tái nhiệm
34	Nguyễn Thị Huệ		1974	Kinh	Trung học CTXH	Hội LHPN Song Mai	x		Tái nhiệm
35	Nguyễn Văn Môn		1955	Kinh	PTTH 10/10	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
36	Trình Văn Nhất		1958	Kinh	Đại học Quân sự	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
37	Nguyễn Văn Tư		1954	Kinh	Trung cấp cảnh sát	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
38	Trần Đình Tư		1953	Kinh	PTTH 10/10	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
39	Nguyễn Văn Bằng		1953	Kinh	THCS 7/10	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
40	Đỗ Tiến Khanh		1966	Kinh	DH y	Trạm y tế xã Tân Tiến	x		Tái nhiệm
41	Nguyễn Văn Chi		1952	Kinh	TC cảnh sát	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
42	Đào Mạnh Tiến		1955	Kinh	PTTH10/10	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
43	Vũ Ngọc Hân		1958	Kinh	DH luật	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm

44	Đỗ Huy Bảo	1963		Kinh	DH luật	NHNN & PTNNVN khu CN Đình Trám	x		Tái nhiệm
45	Trịnh Xuân Hưng	1954		Kinh	DH luật	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
46	Hoàng Văn Tuấn	1974		Kinh	Đại học	Trưởng THCS Đình Trì	x		Tái nhiệm
47	Nguyễn Thị Lý		1980	Kinh	ThS Kinh tế	Hội LHPN TP Bắc Giang	x		Tái nhiệm
48	Phạm Thị Hải Huyền		1975	Kinh	ThS Văn hóa	Thư viện tỉnh Bắc Giang	x		Tái nhiệm
49	Đặng Thị Hà		1966	Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	x		
50	Hà Thị Minh		1966	Kinh	Cử nhân kinh tế	Cán bộ hưu	x		
51	Ngô Thị Vân		1963	Kinh	DH su phạm	Cán bộ hưu	x		
52	Nguyễn Thị Liên		1987	Kinh	ThS Kinh tế	Thành đoàn TP. Bắc Giang	x		
53	Nguyễn Thị Thanh Hiền		1966	Kinh	Cử nhân văn hóa	Cán bộ hưu	x		
54	Hoàng Thị Hải Yên		1973	Kinh	Đại học	UBND phường Ngô Quyên	x		Tái nhiệm

III. TÒA ÁN HUYỆN LẠNG GIANG

55	Trần Thành Đô	1955		Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
56	Nguyễn Quang Vinh	1955		Kinh	Sỹ quan quân đội	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm

57	Đoàn Văn Cường	1963		Kinh	Sỹ quan quân đội	Cán bộ hưu	X		
58	Lê Văn La	1958		Kinh	Sỹ quan quân đội	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
59	Đông Văn Diên	1962		Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
60	Đặng Thiên Quang	1971		Kinh	DH sư phạm	Phòng giáo dục huyện	X		Tái nhiệm
61	Trần Thị Thủy		1981	Kinh	ThS triết	Hội LHPN huyện	X		Tái nhiệm
62	Đặng Bình Minh	1974		Kinh	cử nhân luật	Hội chữ thập đỏ huyện	X		
63	Hà Văn Kha	1974		Kinh	DH sư phạm	LD lao động huyện	X		
64	Dương Kim Sơn	1959		Kinh	Đại học y	Cán bộ hưu	X		
65	Lê Công Sỹ	1970		Kinh	DH nông nghiệp	Hội nông dân huyện	X		
66	Liễu Văn Tâm	1981		Nùng	DH sư phạm	MTTQ huyện L.Giang	X		
67	Chu Quốc Đạt	1960		Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	X		
68	Nguyễn Văn Thanh	1961		Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	X		
69	Nguyễn Thị Thu Thủy		1986	Kinh	DH công đoàn	Phòng LĐTBXH huyện	X		
70	Bùi Thế Vinh	1963		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	X		
71	Ngô Quang Trường	1990		Kinh	DH mở	Huyện Đoàn Lạng Giang	X		

72	Ngô Thị Mai		1964	Kinh	ĐH sư phạm	Cán bộ hưu	x		
IV. TÒA ÁN HUYỆN LỤC NAM									
73	Đặng Minh Khôi	1980		Đao	Thạc sỹ	UB Kiểm tra huyện ủy	x		
74	Nguyễn Hoàng Hà	1972		Kinh	Đại học	UB MTTQ huyện	x		
75	Nguyễn Hữu Huân	1966		Kinh	Cao đẳng	Hội CCB huyện	x		
76	Trương Thanh Cường	1965		Kinh	Đại học	Ban Dân vận Huyện ủy	x		Tái nhiệm
77	Vũ Thị Nết		1978	Kinh	Trung cấp	LDLD huyện	x		
78	Trần Thị Nguyệt		1976	Kinh	Đại học	HLHPN huyện	x		Tái nhiệm
79	Chu Hồng Văn	1974		Kinh	Thạc sỹ	Hội Nông dân huyện	x		Tái nhiệm
80	Nguyễn Trọng Tân	1987		Kinh	Thạc sỹ	Huyện đoàn Lực Nam	x		
81	Từ Minh Hải	1958		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
82	Nguyễn Xuân Chung	1954		Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
83	Đỗ Thị Hoài Mơ		1957	Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
84	Nguyễn Thị Hoan		1959	Kinh	PTTH	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
85	Nguyễn Thị Yên		1965	Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm

86	Nguyễn Triền Chính	1958		Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
87	Nguyễn Hữu Thái	1957		Kinh	PTTH	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
88	Nguyễn Duy Cường	1967		Kinh	Cử nhân ngữ văn	Trưởng THCS số 1 TT Đối Ngộ-Lục Nam	X		Tái nhiệm
89	Nguyễn Văn Thu	1957		Kinh	PTTH	Cán bộ hưu	X		
90	Nguyễn Văn Chấn	1960		Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	X		

V. TÒA ÁN HUYỆN YÊN THẾ

91	Thân Văn Bình	1958		Kinh	Cử nhân	Cán bộ hưu	X		
92	Nguyễn Văn Chiến	1952		Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
93	Nguyễn Thị Cường		1961	Kinh	Cao đẳng	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
94	Trần Hải Đăng	1964		Kinh	Sở quan chính trị	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
95	Lam Thúy Hoa		1984	Nùng	Đại học sư phạm	UBND TTQ huyện	X		Tái nhiệm
96	Lê Thị Huyền		1981	Kinh	Đại học sư phạm	Ban Dân vận huyện	X		
97	Lục Thị Lan		1968	Nùng	Đại học	Hội Nông dân huyện	X		
98	Nông Thị Liên		1968	Nùng	Đại học Luật	Thanh tra huyện	X		Tái nhiệm
99	Vũ Thị Thu Ngát		1963	Kinh	Đại học sư phạm	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm

100	Dương Ngô Phiên	1959		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
101	Nguyễn Đức Quyền	1965		Kinh	Đại học quân sự	Hội CCB huyện	X		
102	Lục Viết Sang	1962		Nùng	Đại học quân sự	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
103	Trần Thị Thanh Tâm		1976	Kinh	Thạc sỹ luật	Hội LH phụ nữ huyện	X		
104	Lưu Văn Thắng	1974		Kinh	Thạc sỹ	Liên đoàn lao động huyện	X		
105	Đỗ Ngọc Thắng	1954		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
106	Nguyễn Anh Tuấn	1978		Kinh	Thạc sỹ	UBND huyện ủy	X		Tái nhiệm
107	Lương Quang Tuyên	1988		Kinh	Thạc sỹ	Huyện đoàn Yên Thế	X		Tái nhiệm
108	Hoàng Thị Hải Yến		1967	Kinh	Đại học sư phạm	Phòng Giáo dục huyện	X		

VI. TÒA ÁN HUYỆN VIỆT YẾN

109	Nguyễn Thị Lại		1959	Kinh	TC QLHCNN	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
110	Nguyễn Quang Kim	1957		Kinh	Sỹ quan chính trị	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
111	Hoàng Văn Tấn	1957		Kinh	Sỹ quan quân sự	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
112	Thân Văn Nhân	1960		Kinh	Sỹ quan chính trị	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
113	Đỗ Văn Ngồn	1956		Kinh	Cư nhân sư phạm	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
114	Nguyễn Ngọc Vân	1956		Kinh	Cư nhân sư phạm	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm

115	Lương Thanh Văn	1953		Kinh	Kỹ sư kinh tế	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
116	Dương Văn Toàn	1966		Kinh	Sỹ quan chính trị	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
117	Ngô Văn Tráng	1953		Kinh	Cư nhân sư phạm	Cán bộ hưu	X		
118	Giáp Huy Tường	1959		Kinh	Kỹ sư đất đai	Cán bộ hưu	X		
119	Nguyễn Đức Hiến	1959		Kinh	Cư nhân kinh tế	Cán bộ hưu	X		
120	Nguyễn Văn Ngọc	1964		Kinh	Sỹ quan quân sự	Cán bộ hưu	X		
121	Nguyễn Văn Chiến	1966		Kinh	Sỹ quan quân sự	Cán bộ hưu	X		
122	Dương Thị Hoa		1965	Kinh	Cư nhân sư phạm	Cán bộ hưu	X		
123	Nguyễn Thị Thu Hằng		1967	Kinh	ThS quản lý giáo dục	Phòng Giáo dục huyện	X		
124	Hoàng Hải	1971		Kinh	Cư nhân kinh tế	Kho bạc NN huyện	X		
125	Nguyễn Văn Hùng	1985		Kinh	ThS luật	Hội Nông dân huyện	X		
126	Trần Văn Bình	1988		Kinh	ThS kinh tế	Huyện đoàn Việt Yên	X		
127	Lê Thị Huyền		1988	Kinh	Cư nhân luật	UBND Huyện ủy	X		
128	Nguyễn Văn Hùng	1971		Kinh	Cư nhân luật	LDLD huyện	X		
VII. TÒA ÁN HUYỆN HIỆP HÒA									
129	Bùi Thế Hanh	1954		Kinh	TCy	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm

130	Nguyễn Xuân Hoàng	1966		Kinh	ĐH sỹ quan pháo binh	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
131	Trương Đức Lâm	1960		Kinh	ĐH quân sự	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
132	Hoàng Thị Kim Oanh	1967		Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
133	La Thị Hương	1972		Kinh	ThS quản lý giáo dục	Trường Tiểu học Hoàng Văn, huyện Hiệp Hòa	x		Tái nhiệm
134	Nguyễn Thị Hoa	1966		Kinh	ThS quản lý giáo dục	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
135	Ngô Thị Hồng Uyên	1970		Kinh	Cử nhân kinh tế	HLHPN huyện	x		Tái nhiệm
136	Nguyễn Xuân Trường	1957		Kinh	T/C hành chính	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
137	Lê Xuân Lâm	1977		Kinh	ĐH sư phạm	HDND huyện	x		Tái nhiệm
138	Nguyễn Ngọc Trứ	1959		Kinh	Cử nhân luật	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
139	Lê Thanh Miên	1963		Kinh	Cử nhân khoa học	Trường THCS Thái Sơn	x		Tái nhiệm
140	Nguyễn Thanh Loan	1972		Kinh	Cử nhân ngữ văn	Ban Dân vận huyện ủy	x		Tái nhiệm
141	Đỗ Xuân Tác	1962		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	x		
142	Hoàng Văn Diễm	1977		Kinh	ThS lịch sử đảng	HDND huyện	x		
143	Nguyễn Văn Tùng	1987		Kinh	ThS chăn nuôi	Huyện đoàn Hiệp Hòa	x		

144	Nguyễn Công Tân	1957		Kinh	Cử nhân	Cán bộ hưu	X		
145	Đỗ Văn Bộ	1955		Kinh	TC địa chính	Cán bộ hưu	X		
146	Ngô Văn Nam	1977		Kinh	ThS LLNN và pháp luật	TT Văn hóa huyện	X		
147	Nguyễn Văn Bảo	1958		Kinh	Cử nhân	Cán bộ hưu	X		
148	Lê Văn Đò	1971		Kinh	Cử nhân công binh công trình	Cán bộ hưu	X		

VIII. TÒA ÁN HUYỆN YÊN DŨNG

149	Lương Ngọc Biên	1951		Kinh	Trung cấp	CB hưu	X		Tái nhiệm
150	Nguyễn Hải Lý	1960		Kinh	Trung cấp	CB hưu	X		Tái nhiệm
151	Đào Xuân Thịnh	1954		Kinh	Trung cấp	CB hưu	X		Tái nhiệm
152	Đinh Thị Thu Huyền		1962	Kinh	Đại học	Giáo viên nghỉ hưu	X		Tái nhiệm
153	Nguyễn Sỹ Minh	1971		Kinh	Đại học	UBND TT Nham Biên	X		Tái nhiệm
154	Nguyễn Thế Hậu	1969		Kinh	Đại học	Trung tâm Y tế huyện	X		Tái nhiệm
155	Nguyễn Trung Phiến	1958		Kinh	Đại học	Bộ đội nghỉ hưu	X		Tái nhiệm
156	Lương Văn Định	1956		Kinh	Đại học	Giáo viên nghỉ hưu	X		Tái nhiệm
157	Thân Thị Lụa		1976	Kinh	Đại học	Phòng Tư pháp huyện	X		Tái nhiệm

158	Hà Thị Tân		1981	Kinh	Đại học	Phòng Tài chính - Kế hoạch	X		Tái nhiệm
159	Nguyễn Thị Kiên		1979	Kinh	Thạc sỹ	Phụ nữ huyện	X		Tái nhiệm
160	Nguyễn Thị Thủy Khoi		1965	Kinh	Đại học	CB hưu	X		
161	Nguyễn Ngọc Thủy		1987	Kinh	Thạc sỹ	Phó bí thư huyện đoàn	X		
162	Nguyễn Văn Thái	1957		Kinh	Đại học	CB hưu	X		
163	Đặng Quyết Chiến	1960		Kinh	Trung cấp	CB hưu	X		Tái nhiệm
164	Nguyễn Thị Nhân		1963	Kinh	Đại học	Giáo viên nghỉ hưu	X		
165	Đàm Đức Tâm	1960		Kinh	Đại học	Giáo viên nghỉ hưu	X		
166	Lê Thị Hòa		1961	Kinh	Đại học	Giáo viên nghỉ hưu	X		
167	Nguyễn Thị Tim		1959	Kinh	Đại học	Giáo viên nghỉ hưu	X		Tái nhiệm

IX. TÒA ÁN HUYỆN TÂN YÊN

168	Trần Anh Dũng	1959		Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
169	Nguyễn Lâm Giang	1954		Kinh	Trung cấp	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
170	Nguyễn Thị Giang		1976	Kinh	Đại học	UBND xã Quang Tiến	X		
171	Đào Xuân Hải	1952		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	X		Tái nhiệm
172	Trần Thị Hải		1987	Kinh	Đại học	Giáo viên	X		

173	Giáp Thị Hiền		1986	Kinh	Đại học	Hội Chữ thập đỏ huyện	x		Tái nhiệm
174	Phan Thị Hoa		1975	Kinh	Đại học	phòng giáo dục huyện	x		
175	Diêm Đăng Hoat	1979		Kinh	Đại học	Bí thư xã Đại hóa	x		Tái nhiệm
176	Nguyễn Văn Kiểm	1956		Kinh	Cư nhân	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
177	Lê Thành Nam	1972		Kinh	Đại học	UB.MTTQ huyện	x		Tái nhiệm
178	Trần Thị Nhấn		1982	Kinh	Đại học	Hội LH phụ nữ huyện	x		
179	Nguyễn Thị Kim Oanh		1975	Kinh	Đại học	Ban dân vận huyện ủy	x		Tái nhiệm
180	Cáp Thị Quyên		1993	Kinh	Đại học	Bí thư đoàn xã Hợp Đức	x		
181	Nguyễn Đức Sơn	1964		Kinh	Đại học	Phòng kinh tế hạ tầng	x		Tái nhiệm
182	Giáp Hồng Thanh	1958		Kinh	Đại học	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm
183	Trần Văn Thiện	1964			Sơ cấp	Ủy viên UB đoàn kết công giáo tỉnh BG	x		Tái nhiệm
184	Nguy Văn Tuệ	1980		Kinh	Đại học	Liên đoàn LD huyện	x		Tái nhiệm
185	Nguyễn Quang Vinh	1984		Kinh	Đại học	Hội nông dân huyện	x		
186	Nguyễn Quốc Sưu	1952		Kinh	Cao đẳng	Cán bộ hưu	x		Tái nhiệm

X. TÒA ÁN HUYỆN LỤC NGẠN

187	Lãnh Văn Việt	1951		Kinh	Đại học	CB hưu	x		Tái nhiệm
188	Ngô Đức Thủy	1974		Kinh	Đại học	Trưởng tiểu học Phong Vân	x		Tái nhiệm
189	Nguyễn Xuân Kiêm	1976		Kinh	Đại học	Hội CCB TT Chũ	x		Tái nhiệm
190	Vũ Ngọc Côn	1949		Kinh	Trung cấp Luật	CB hưu	x		Tái nhiệm
191	Trần Đăng Thanh	1954		Kinh	Cao đẳng	CB hưu	x		Tái nhiệm
192	Ninh Văn Trung	1960		Cao lan	Cao đẳng	CB hưu	x		Tái nhiệm
193	Giáp Văn Phẩm	1953		Kinh	Cao đẳng	CB hưu	x		Tái nhiệm
194	Phạm Công Chấn	1953		Kinh	Cao đẳng	CB hưu	x		Tái nhiệm
195	Nguyễn Thị Thúy		1975	Kinh	Đại học	Phó HT trường tiểu học xã Thanh Hải 2	x		Tái nhiệm
196	Mạc Vương Long	1960		Kinh	Đại học	CB hưu	x		Tái nhiệm
197	Tạ Văn Doanh	1967		Kinh	Đại học	CB hưu	x		Tái nhiệm
198	Trần Đức Vương	1974		Kinh	Đại học; Trung cấp Luật	Phó bí thư thường trực Đảng ủy TT Chũ	x		Tái nhiệm
199	Vũ Thị Mai		1972	Kinh	Đại học	Phó CT hội phụ nữ TT Chũ	x		Tái nhiệm
200	Lý Thị Liên		1976	Kinh	Thạc sĩ	Chủ tịch hội phụ nữ	x		Tái nhiệm

						huyện			
201	Nguyễn Tất Bảy	1957		Kinh	Cao đẳng	CB hưu	X		Tái nhiệm
202	Phạm Thị Đoàn		1977	Kinh	Thạc sỹ	Phó trưởng Ban Tuyên giáo huyện ủy	X		Tái nhiệm
203	Vương Tiến chuẩn	1960		Kinh	Cao đẳng	Bộ đội hưu	X		
204	Tống Đăng Mạnh	1961		Kinh	Cao đẳng	CB hưu	X		
205	Nguyễn Thị Công Mừng		1965	Kinh	Cử nhân Luật	CB hưu	X		
206	Trần Thanh Thuận	1982		Kinh	Đại học	CV phòng dân tộc huyện	X		
207	Phạm Thị Hạnh		1975	Kinh	Cử nhân Luật	CV phòng TNMT huyện	X		
208	Trần Văn Sáng	1981		Kinh	Th.S Luật	Phó bí thư TT Đảng ủy xã Quý Sơn	X		
209	Phạm Văn Chữ	1958		Kinh	Cử nhân Luật	Nguyên trưởng phòng tư pháp huyện	X		
210	Nguyễn Xuân Đông	1977		Kinh	Đại học	CT hội ND xã Trù Hưu	X		
211	Dương Văn Hiến	1988		Kinh	Đại học	Phó bí thư huyện đoàn Lục Ngạn	X		

XI. TÒA ÁN HUYỆN SƠN ĐỘNG

212	Nguyễn Thị Bắc		1964	Kinh	DH sư phạm	CB hưu	X		Tái nhiệm
213	Nguyễn Ngọc Thành	1965		Kinh	TC quân sự	Hội cựu chiến binh	X		
214	Phạm Xuân Hùng	1958		Kinh	DH sư phạm	CB hưu	X		
215	Lã Văn Minh	1963		Tày	DH luật	CB hưu	X		
216	Nguyễn Ngọc Ngát	1952		Kinh	TCQL hành chính	CB hưu	X		Tái nhiệm
217	Vi Thị Tú		1968	Tày	DH luật	Phòng LPTBXH	X		Tái nhiệm
218	Bùi Huy Tuấn	1965		Kinh	DH y	TTY tế huyện	X		Tái nhiệm
219	Ngọc Đức Minh	1978		Kinh	DH lâm nghiệp	LD lao động huyện	X		Tái nhiệm
220	Vi Quang Thái	1969		Tày	DH nông nghiệp	Hội nông dân huyện	X		Tái nhiệm
221	Lương Văn Hoàng	1988		Kinh	DH sư phạm	Bí thi huyện đoàn	X		Tái nhiệm
222	Nguyễn Thị Phương		1976	Tày	ThS KH cây trồng	Hội liên hiệp phụ nữ huyện	X		
223	Hoàng Thị Việt Hà		1968	Tày	ThS QL giáo dục	Hiệu trưởng PTPT Sơn Đông 1	X		Tái nhiệm
224	Đinh Thanh Phương		1972	Kinh	DH sư phạm	Hiệu trưởng THCS	X		

						An Bá			
225	Nguyễn Văn Thuật	1971		Kinh	DH sư phạm	Hiệu trưởng trường PT dân tộc bán trú – THCS An Lạc	x		
226	Nguyễn Đức Dũng	1972		Kinh	THS QL giáo dục	Phó phòng GDDT huyện	x		Tại nhiệm
227	Hoàng Thị Chung		1974	Kinh	DH luật	Chủ tịch hội LHPN TT An Châu	x		Tại nhiệm
228	Lương Xuân Dương	1976		Tây	DH luật	Hội nông dân xã Vĩnh An	x		

PHỤ LỤC 3

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỘI THẠM NHÂN DÂN DÂN NHIỆM KỲ 2021 - 2026
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh)

Số TT	Tên tòa án	Tổng số	Giới tính		Dân tộc thiểu số	Trình độ			Nghề nghiệp			Số được tái nhiệm	Ghi chú
			Nam	Nữ		Chuyên môn pháp lý	Còn lại	Cán bộ đương chức	Cán bộ nghỉ hưu	Thành phần khác			
I	Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang	26	22	4	0	12	14	14	12	0	15		
II	Cộng cấp huyện	202	133	69	6	36	166	97	104	1	123		
1	Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang	28	12	16	0	8	20	9	19	0	23		
2	Tòa án nhân dân huyện Việt Yên	20	16	4	0	3	17	7	13	0	8		
3	Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa	20	16	4	0	3	17	8	12	0	12		
4	Tòa án nhân dân huyện Sơn Động	17	11	6	6	4	13	12	5	0	10		
5	Tòa án nhân dân huyện Tân Yên	19	12	7	0	2	17	12	6	1	13		

6	Tòa án nhân dân huyện Yên Thế	18	10	8	4	2	16	11	7	0	11	
7	Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang	18	15	3	1	5	13	8	10	0	6	
8	Tòa án nhân dân huyện Lục Nam	18	13	5	1	0	18	10	8	0	11	
9	Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn	25	19	6	1	6	19	14	11	0	16	
10	Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng	19	9	10	0	3	16	6	13	0	13	
III	Cộng tổng	228	155	73	6	48	180	111	116	1	138	

PHỤ LỤC 4

**TỔNG HỢP SỐ VỤ ÁN VÀ KINH PHÍ BỒI DƯỠNG PHIÊN TÒA ĐÃ CHI CHO HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HAI CẤP TỈNH BẮC GIANG**

TỪ NĂM 2020-2022

(kèm theo Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh)

Đơn vị: Người, Vu, Đồng

STT	Tên đơn vị	Định mức chi/ người/ ngày	Số lượng HTND	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Ghi chú
				Số vụ xét xử	Số tiền chi cho HTND	Số vụ xét xử	Số tiền chi cho HTND	Số vụ xét xử	Số tiền chi cho HTND	
	Tổng cộng		228	3,906	1,483,028,500	3,151	1,397,369,500	3,246	1,579,620,500	
1	VP TAND tỉnh	90,000	26	521	185,000,000	495	121,040,000	556	203,987,000	
2	TAND thành phố	90,000	28	775	276,660,000	461	213,930,000	377	205,380,000	
3	TAND H Yên Yên	90,000	20	342	117,860,000	331	114,795,000	371	144,000,000	
4	TAND H Yên Dũng	90,000	19	278	112,960,000	140	104,119,000	210	107,395,000	
5	TAND H Tân Yên	90,000	19	349	78,930,000	259	87,075,000	246	95,535,000	
6	TAND H Hiệp Hòa	90,000	20	329	99,630,000	356	122,540,000	377	115,420,000	
7	TAND H Lạng	90,000	18	312	152,756,000	277	165,625,000	321	219,215,000	
8	TAND H Lục Nam	90,000	18	385	119,030,000	296	138,330,000	312	165,690,000	
9	TAND H Sơn Động	90,000	17	77	65,751,500	79	61,958,500	97	48,813,500	
10	TAND H Lục Ngạn	90,000	25	301	149,981,000	294	156,177,000	243	174,465,000	
11	TAND H Yên Thế	90,000	18	237	124,470,000	163	111,780,000	136	99,720,000	

PHỤ LỤC 5

tham khảo kinh nghiệm một số địa phương về hỗ trợ kinh phí cho công tác Hội thẩm nhân dân

(kèm theo Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/7/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh)

1- **Tỉnh Nghệ An:** Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An chi hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân bằng 0,2 mức lương cơ sở/người/tháng.

2- **Tỉnh Quảng Ninh:** Nghị quyết số 66/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2018 của HĐND tỉnh Quảng Ninh chi bồi dưỡng xét xử của Hội thẩm nhân dân 200.000 đồng/ngày/người.

3- **Tờ trình số: 48/TTr-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh Hải Dương:** Mức hỗ trợ cho Hội thẩm tham gia xét xử: 180.000 đồng/ 01 người/01 vụ án. Dự toán kinh phí hỗ trợ 01 năm (3.500 vụ * 180.000 đồng/01 người * 02 người/vụ) : 1.260.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng).

4- **Tỉnh Lạng Sơn:** Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh chi hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân bằng 90.000đ/người/ngày (tối đa không quá 05 ngày/người/vụ).

5- **Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 22/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị** hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Hội thẩm nhân dân hai cấp năm 2019 tổng số là 615.000.000 đồng.

6- <http://baonamdinh.com.vn/channel/5086/202106/phat-huy-vai-tro-cua-hoi-tham-nhan-dan-2544495/index.htm>

Nam Định: Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với HTND cấp tỉnh từ nguồn ngân sách của tỉnh. Ngoài chế độ phụ cấp, hàng năm UBND tỉnh còn hỗ trợ kinh phí đảm bảo cho hoạt động của Đoàn Hội thẩm TAND tại các đơn vị: TAND tỉnh và TAND thành phố Nam Định, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/đơn vị/năm; TAND các huyện mức hỗ trợ 20 triệu đồng/đơn vị/năm.

7- **Nghệ An:** Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh và Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện được hỗ trợ kinh phí hoạt động 20% mức lương cơ sở/người/tháng. Kinh phí hỗ trợ hoạt động, bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử cho Hội thẩm Tòa án nhân dân và xét xử lưu động được trích từ nguồn ngân sách tỉnh, tối đa 2.000.000.000 đồng/năm (Hai tỷ đồng) và cấp qua Tòa án nhân dân tỉnh để tổ chức thực hiện.

8- **Bắc Ninh:** Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh hỗ trợ cho TAND tỉnh Bắc Ninh năm 2022 là 1,2 tỷ (Một tỷ hai trăm triệu đồng).

PHỤ LỤC 6

DỰ TOÁN KINH PHÍ SƠ KẾT, TỔNG KẾT VÀ HỌC TẬP KINH NGHIỆM CHO HỘI THĂM NHÂN DÂN ĐÀN TÒA ÁN NHÂN DÂN HAI CẤP TỈNH BẮC GIANG HÀNG NĂM

Thời gian: 02 ngày

(Kèm theo Đề án số 16-ĐA/BCĐ ngày 24/1/2023 của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp tỉnh)

ĐVT: Đồng, người

STT	Nội dung chi	Định mức	Số lượng HTND tham dự	Thành tiền 02 ngày	Ghi chú
Tổng cộng					
1	Tiền tài liệu	35.000đ/cuốn/người	228	15,960,000	Sơ kết 01 cuốn, tổng kết 01 cuốn
2	Hỗ trợ tiền ăn	150.000đ/người/ngày	228	68,400,000	Ăn tập trung, 3 bữa/ngày
3	Hỗ trợ tiền tàu, xe (lượt đi và về) hoặc phòng nghỉ cho 09 đoàn hội thẩm cấp huyện	250.000đ/người/ngày	228	57,000,000	Trả theo số km thực tế từ trụ sở các huyện đến địa điểm tổ chức hội nghị hoặc khoán (áp dụng đối với trường hợp tổ chức tại TP Bắc Giang)
4	Chi giải khát giữa giờ	30.000đ/người/ngày	228	13,680,000	
5	Thuê hội trường, máy chiếu, khánh tiết	6.000.000đ/ngày	228	12,000,000	Hội trường+maket+ âm ly loa đài+máy chiếu

Căn cứ áp dụng: Nghị quyết số 33/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang.

Số: 05/2005/NQLT-TANDTC-BNV-
UBTWMTTQVN

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2005

NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH

VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO - BỘ NỘI VỤ - BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VIỆT NAM

*Căn cứ vào Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân;
Căn cứ vào Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
Căn cứ vào Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân.
Điều 2. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Đoàn hội thẩm, Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đoàn Hội thẩm, Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN TỔ QUỐC
VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG

KT. CHÁNH ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
PHÓ CHÁNH ÁN

Đỗ Duy Thường

Nguyễn Trọng Điều

Trần Văn Tú

QUY CHẾ

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN

(Ban hành kèm theo nghị quyết số 05/2005/NQLT-TANDTC-BNV-UBTWMTTQVN ngày 05 tháng 12 năm 2005 của Tòa án nhân dân tối cao - Bộ Nội vụ - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về Hội thẩm Tòa án nhân dân (sau đây gọi chung là Hội thẩm), Đoàn Hội thẩm, hoạt động của Hội thẩm, trách nhiệm của Tòa án nhân dân, cơ quan, tổ chức trong việc quản lý, hỗ trợ Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm.
Điều 2. Hội thẩm được quy định trong Quy chế này là Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội thẩm Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
Điều 3. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán; độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng và các văn bản pháp luật liên quan.
Điều 4. Chánh án Tòa án nhân dân nơi có Hội thẩm được bầu làm nhiệm vụ xem xét, thực hiện việc quản lý Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm theo quy định của Quy chế này.
Điều 5. Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện quyền giám sát hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm; theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện cần thiết để Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm hoàn thành nhiệm vụ xét xử.

Chương 2

HỘI THẨM

Điều 6.

1. Hội thẩm là người được bầu theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ xét xử những vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án;
2. Hội thẩm có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Hội thẩm được quy định như sau:

1. Là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Cụ thể là:
 - a) Không có bất kỳ hành vi nào gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, nền quốc phòng toàn dân, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt cộng đồng;
 - c) Kiên quyết đấu tranh với những hành vi có hại đến Đảng, đến Tổ quốc và nhân dân;
 - d) Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền;
 - đ) Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, bảo vệ công lý;
 - e) Chưa bao giờ bị kết án (kể cả trường hợp đã được xóa án tích);
2. Có kiến thức pháp lý;
3. Có sức khỏe về thể chất và tinh thần để hoàn thành nhiệm vụ được giao; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
4. Những người đang công tác tại các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Điều tra, Thi hành án và luật sư thì không giới thiệu để bầu làm Hội thẩm Tòa án nhân dân.

Điều 8.

1. Hội thẩm được cấp trang phục, Giấy chứng minh Hội thẩm để làm nhiệm vụ xét xử;
2. Khi làm nhiệm vụ xét xử, Hội thẩm được hưởng phụ cấp theo quy định của pháp luật;
3. Hội thẩm được bồi dưỡng về nghiệp vụ, tham gia hội nghị tổng kết công tác xét xử của Tòa án;
4. Hội thẩm là cán bộ, công chức thì thời gian làm nhiệm vụ Hội thẩm được tính vào thời gian làm việc ở cơ quan đơn vị;
5. Hội thẩm có thành tích xuất sắc được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

Điều 9.

1. Trong một năm mà Hội thẩm không được Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp phân công làm nhiệm vụ xét xử thì có quyền yêu cầu Chánh án Tòa án nhân dân cho biết lý do;
2. Hội thẩm có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
3. Trong thời gian làm nhiệm vụ theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp, Hội thẩm có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức nơi Hội thẩm đang công tác không được điều động, phân công mình làm việc khác, trừ trường hợp đặc biệt.

Điều 10. Hội thẩm thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

1. Tham gia xét xử theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp mà không được từ chối, trừ trường hợp có lý do chính đáng hoặc do pháp luật tố tụng quy định;
2. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ do Tòa án tổ chức; tự học tập để nâng cao kiến thức pháp luật và nghiệp vụ xét xử;
3. Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tham gia công tác hòa giải ở cơ sở;
4. Chấp hành nội quy và quy chế của cơ quan Tòa án;

5. Mặc trang phục theo quy định khi làm nhiệm vụ xét xử;
6. Giữ bí mật nhà nước và bí mật công tác theo quy định của pháp luật;

Điều 11.

1. Hội thẩm chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật bãi nhiệm hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;
2. Hội thẩm trong khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình mà gây thiệt hại thì Tòa án nơi Hội thẩm đó thực hiện nhiệm vụ xét xử phải có trách nhiệm bồi thường và Hội thẩm đã gây thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

Điều 12.

1. Hội thẩm có trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ của mình với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp hoặc Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm khi có yêu cầu;
2. Khi có sự thay đổi nơi cư trú hoặc nơi công tác thì Hội thẩm thông báo cho Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm hoặc Chánh án Tòa án cùng cấp biết.

Điều 13.

1. Hội thẩm có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe hoặc lý do khác;
2. Hội thẩm bị bãi nhiệm khi có vi phạm về phẩm chất đạo đức hoặc có hành vi vi phạm pháp luật không còn xứng đáng làm Hội thẩm

Điều 14. Hội đồng nhân dân quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Hội thẩm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Chương 3

ĐOÀN HỘI THẨM

Điều 15.

1. Đoàn Hội thẩm là hình thức tổ chức tự quản của Hội thẩm ở Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tòa án nhân dân tỉnh huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chịu sự quản lý của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp theo Quy chế này;
2. Đoàn Hội thẩm có trách nhiệm báo cáo, kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp về hoạt động của Hội thẩm, Đoàn Hội thẩm.

Điều 16. Đoàn Hội thẩm có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Tham gia ý kiến với Tòa án về việc nâng cao chất lượng công tác của Hội thẩm;
2. Thảo luận, nhận xét và đánh giá về công tác của Hội thẩm và công tác xét xử của Tòa án khi được yêu cầu;
3. Thảo luận, tham gia ý kiến vào báo cáo tổng kết công tác xét xử của Tòa án;
4. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với các trường hợp khen thưởng, kỷ luật Hội thẩm;
5. Thảo luận, tham gia ý kiến đối với dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản khác có liên quan đến Hội thẩm và hoạt động xét xử của Tòa án;
6. Giúp đỡ, trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ xét xử, nâng cao trình độ nghiệp vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức của người Hội thẩm; giúp đỡ, động viên nhau trong cuộc sống khi Hội thẩm hoặc gia đình Hội thẩm gặp khó khăn, hoạn nạn.

Điều 17.

1. Đoàn Hội thẩm có Trưởng đoàn, các Phó Trưởng đoàn và các thành viên;
2. Số lượng Phó Trưởng đoàn Hội thẩm do Chánh án Tòa án nhân dân quyết định sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;
3. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm được bầu ra trong số các Hội thẩm tại phiên họp toàn thể của Đoàn Hội thẩm.

Điều 18.

1. Hội thẩm có kinh nghiệm làm công tác xét xử, có uy tín, có điều kiện về thời gian làm việc vụ thì có thể được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm;
2. Thủ tục bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm:

a) Sau khi Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra Hội thẩm, Chánh án Tòa án nhân dân chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức hội nghị đoàn thể Hội thẩm của cấp mình để các Hội thẩm bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn hội thẩm;

b) Việc bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do hội nghị toàn thể Hội thẩm quyết định. Người được bầu làm Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm là người được trên 50% tổng số Hội thẩm tham dự hội nghị tán thành;

3. Sau khi hội nghị toàn thể Hội thẩm bầu ra Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm thì Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp ra quyết định công nhận kết quả bầu Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm;

4. Nhiệm kỳ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Hội thẩm theo nhiệm kỳ của Hội thẩm;

5. Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm có thể được miễn nhiệm vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình và các lý do khác hoặc có thể bị bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ. Chánh án Tòa án, sau khi thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, triệu tập phiên họp toàn thể Hội thẩm để quyết định việc miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn và bầu Trưởng đoàn hoặc Phó Trưởng đoàn khác thay thế theo quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 19.

1. Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Đoàn Hội thẩm;

b) Giữ mối liên hệ và đại diện cho các Hội thẩm trong các quan hệ công tác với Tòa án, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp;

c) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp trong việc quản lý Hội thẩm; nhận xét, đánh giá chất lượng công tác của Hội thẩm;

d) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp trong việc tổng kết công tác hàng năm của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm;

đ) Tham gia ý kiến vào báo cáo tổng kết công tác xét xử của Tòa án;

e) Đề đạt ý kiến, kiến nghị của các Hội thẩm về các vấn đề có liên quan đến việc tổ chức công tác xét xử của Tòa án và việc thực hiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ đối với Hội thẩm;

g) Đề đạt ý kiến, kiến nghị của Đoàn Hội thẩm về việc khen thưởng, kỷ luật đối với Hội thẩm;

h) Tổ chức hội nghị Đoàn Hội thẩm để góp ý kiến vào dự thảo các văn bản pháp luật có liên quan đến Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm;

2. Phó Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm giúp Trưởng đoàn làm nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn và chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Điều 20. Sáu tháng một lần, Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm tổ chức cuộc họp của Đoàn Hội thẩm hoặc giải quyết các vấn đề khác có liên quan và gửi báo cáo cho Chánh án Tòa án nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Khi cần thiết, Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm có thể triệu tập họp Đoàn Hội thẩm đột xuất.

Chương 4

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI THẨM

Điều 21. Khi được phân công làm nhiệm vụ xét xử, trong thời hạn ít nhất 7 ngày làm việc trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa có trách nhiệm gửi giấy mời Hội thẩm đến trụ sở Tòa án để nghiên cứu hồ sơ vụ án và trao đổi các vấn đề cần thiết về nghiệp vụ xét xử đối với vụ án đó.

Điều 22. Trong trường hợp có lý do chính đáng để từ chối việc tham gia xét xử thì trong thời hạn ít nhất 7 ngày làm việc trước khi mở phiên tòa, Hội thẩm phải có văn bản nêu rõ lý do từ chối xét xử và gửi cho Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp để xem xét, cử Hội thẩm khác tham gia xét xử.

Điều 23.

1. Hội thẩm có quyền phản ánh với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp hoặc Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm về các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết, xét xử vụ án, nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án đó;

2. Hội thẩm có quyền phát biểu trực tiếp tại các cuộc họp hoặc bằng văn bản đóng góp ý kiến với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Hội thẩm.

Điều 24. Hội thẩm không được làm những việc sau đây:

1. Tự vấn cho bị can, báo cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác làm cho việc giải quyết vụ án hoặc những việc khác không đúng quy định của pháp luật;

2. Can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết vụ án hoặc lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người có trách nhiệm giải quyết vụ án;
3. Đem hồ sơ vụ án hoặc tài liệu trong hồ sơ vụ án ra khỏi cơ quan Tòa án;
4. Tiếp bị can, bị cáo, đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác trong vụ án mà mình được phân công tham gia xét xử ngoài nơi quy định.

Chương 5

TRÁCH NHIỆM CỦA TÒA ÁN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG VIỆC QUẢN LÝ, HỖ TRỢ HỘI THẨM VÀ ĐOÀN HỘI THẨM

Điều 25.

1. Chánh án Tòa án nhân dân phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc chuẩn bị nhân sự và giới thiệu bầu Hội thẩm theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

2. Chánh án Tòa án nhân dân có trách nhiệm thông báo cho cơ quan, tổ chức nơi Hội thẩm công tác về việc phân công Hội thẩm; dự kiến thời gian làm nhiệm vụ của Hội thẩm và đề nghị các cơ quan, tổ chức đó không điều động hoặc phân công Hội thẩm làm việc khác trong thời gian đó.

Điều 26.

1. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho Hội thẩm Tòa án cấp mình và cấp dưới;

2. Chánh án Tòa án nhân dân thực hiện chế độ, chính sách đối với Hội thẩm cùng cấp; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp tiến hành việc khen thưởng, kỷ luật và kiểm tra công tác đối với Hội thẩm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao;

3. Hàng tháng, Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp thông báo lịch xét xử cho Trưởng đoàn Đoàn Hội thẩm biết;

4. Các quyết định hoặc văn bản đề nghị về việc khen thưởng, kỷ luật và các kết luận về kiểm tra công tác đối với Hội thẩm được gửi cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để phối hợp quản lý Hội thẩm.

Điều 27.

1. Mỗi năm một lần và khi kết thúc nhiệm kỳ Hội thẩm, Chánh án Tòa án nhân dân có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức việc tổng kết công tác Hội thẩm; Khi cần thiết, Chánh án Tòa án nhân dân có thể triệu tập họp Đoàn Hội thẩm đột xuất;

2. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo tổng kết nhiệm kỳ công tác Hội thẩm ở địa phương mình cho Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 28.

1. Chánh án Tòa án nhân dân chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công tác xét xử của Hội thẩm cùng cấp theo quy định của pháp luật;

2. Trong trường hợp cần thiết hoặc đối với khiếu nại, tố cáo có nội dung phức tạp thì Chánh án Tòa án nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp để giải quyết khiếu nại, tố cáo đó;

3. Các kết luận xác minh, quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với Hội thẩm phải được gửi cho Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Hội đồng nhân dân và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để theo dõi, giám sát và phối hợp quản lý Hội thẩm.

4. Đối với các khiếu nại, tố cáo khác không liên quan đến công tác xét xử của Hội thẩm, thì Chánh án Tòa án nhân dân có thể chuyển cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam địa phương thực hiện việc giám sát, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Hội thẩm hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 30.

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân địa phương có trách nhiệm tạo điều kiện và hỗ trợ phương tiện làm việc, kinh phí cho các hoạt động của Hội thẩm và Đoàn Hội thẩm theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp;

2. Phương tiện làm việc, kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của Hội thẩm, Đoàn Hội thẩm do Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp quản lý. Việc sử dụng phương tiện làm việc, kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động của Hội thẩm, Đoàn Hội thẩm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc cần được giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung, thì đề nghị phản ánh về Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có sự giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung kịp thời.